

Tuần 1:

Thứ ba ngày 7 tháng 9 năm 2010

Tập đọc

Tiết 1: DẾ MÈN BÊNH VỰC KẼ YẾU

I. MỤC TIÊU:

- Học sinh đọc rành mạch; trôi chảy; b- ớc đầu có giọng đọc phù hợp với tính cách của nhân vật(Dế Mèn, Nhà Trò).

- Phát hiện đ- ọc những lời nói, cử chỉ cho thấy tấm lòng nghĩa hiệp của Dế Mèn; b- ớc đầu biết nhận xét về một nhân vật trong bài.

- Hiểu nội dung bài: *Ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp – bệnh vực ng- ời yếu.*

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh minh hoạ bài tập đọc.
- Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Mở đầu:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV giới thiệu khái quát nội dung chương trình phân môn Tập đọc lớp 4 của học kì I.- Yêu cầu HS đọc tên các chủ điểm trong phần mục lục. <p>B. Dạy học bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>GV treo tranh minh hoạ giới thiệu bài và tập truyện ngắn của Dế Mèn phiêu l- u kí của nhà văn Tô Hoài.</p> <p>2. H- ớng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài:</p> <p>a) <i>Luyện đọc:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 HS đọc toàn bài- Tổ chức cho HS đọc nối tiếp đoạn:- Tổ chức cho HS đọc theo cặp- Gọi 1HS đọc chú giải cuối bài- GV đọc mẫu toàn bài <p>b) <i>Tìm hiểu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none">+ Truyện có những nhân vật chính nào?+ Kể yếu đ- ọc Dế Mèn bệnh vực là ai?- Yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1 trả lời câu hỏi:+ Dế Mèn thấy Nhà Trò trong hoàn cảnh	<ul style="list-style-type: none">- HS theo dõi. <ul style="list-style-type: none">- HS quan sát tranh minh hoạ <ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc, lớp đọc thầm- 3 HS đọc nối tiếp đoạn(2 l- ợt)- HS đọc theo cặp <ul style="list-style-type: none">+ Nhà Trò, Dế Mèn, bọn nhện+ Nhà Trò <ul style="list-style-type: none">+ Nhà Trò đang gục đầu gối khóc tỉ tê bên hòn đá cuội.

<p>ntn?</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 HS đọc đoạn 2:- Yêu cầu HS tìm những chi tiết cho thấy chị Nhà Trò rất yếu ớt?+ Sự yếu ớt của Nhà Trò đ- ọc nhìn thấy qua con mắt của nhân vật nào?+ Dế Mèn đã thể hiện tình cảnh gì khi nhìn Nhà Trò?+ Vì sao Nhà Trò lại gục đầu ngời khóc tí tê bên hòn đá cuội?- Yêu cầu HS đọc thầm đoạn 3.+ Tr- ớc tình cảnh đáng th- ơng của Nhà Trò, Dế Mèn đã làm gì? <p>+ Qua lời nói, việc làm của Dế Mèn em thấy Dế Mèn là ng- ời ntn?</p> <p>* Qua câu chuyện, tác giả muốn nói với chúng ta điều gì?</p> <p>c) <i>Luyện đọc diễn cảm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 3 HS đọc bài- Tổ chức luyện đọc diễn cảm theo 4 <ul style="list-style-type: none">- Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm theo lối phân vai.- GV nhận xét, cho điểm. <p>3. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi HS nêu lại nội dung bài.- Nhận xét tiết học.- H- ớng dẫn chuẩn bị bài sau.	<ul style="list-style-type: none">- HS nêu miệng: <i>thân hình nhỏ bé, gầy yếu, ... chẳng đủ ăn.</i> <p>+ Dế Mèn</p> <ul style="list-style-type: none">+ Dế Mèn thể hiện sự ái ngại, thông cảm với chị Nhà Trò.+ Chị bị bon nhện ức hiếp. <ul style="list-style-type: none">+ Tr- ớc tình cảnh ấy Dế Mèn đã xoè hai càng và nói với Nhà Trò: <i>Em đừng sợ. Hãy trở về cùng với tôi đây. Đứa độc ác không thể cạy khoẻ ăn hiếp kẻ yếu.</i>+ Qua lời nói và việc làm đó cho thấy Dế Mèn là ng- ời có tấm lòng nghĩa hiệp, dũng cảm, không đồng tình với những kẻ độc ác, cạy khoẻ ức hiếp kẻ yếu.* <i>Tác giả ca ngợi Dế Mèn có tấm lòng nghĩa hiệp, sẵn sàng bênh vực kẻ yếu, xoá bỏ những bất công.</i>- 3 HS tiếp đọc bài theo lối phân vai- HS luyện đọc trong nhóm 4 theo lối phân vai.- HS thi đọc
---	---

Toán

Tiết 1: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000

I. MỤC TIÊU:

- HS đọc, viết đ- ọc các số trong phạm vi 100 000
- Biết phân tích cấu tạo số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ kẻ sẵn BT 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Kiểm tra bài cũ</p> <p>a) GV viết số 83 251 lên bảng. - Gọi HS đọc số, nêu tên các chữ số ở các hàng.</p> <p>b) T- ong tự với các số: 83 001, 80 201, 80 001.</p> <p>c) Nêu mối quan hệ giữa 2 hàng liền nhau.</p> <p>d) Một vài HS nêu VD về các số tròn chục, các số tròn trăm, các số tròn nghìn, các số tròn chục nghìn.</p> <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài</p> <p>2) Thực hành</p> <p><u>Bài 1</u></p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm bài. - GV chữa bài.</p> <p>a) - Các số trên tia số đ- ọc gọi là những số gì? Vì sao em biết? - Hai số đứng liền nhau trên tia số thì hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?</p> <p>b) - Các số trong dãy số này đ- ọc gọi là những số gì? Vì sao biết? - Hai số đứng liền nhau trong dãy số thì hơn kém nhau bao nhiêu đơn vị?</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>- Gọi HS đọc yêu cầu. - Cả lớp làm bài. Gọi 1 HS làm bảng phụ. + Muốn đọc, viết số ta cần chú ý điều gì?</p> <p><u>Bài 3</u></p> <p>a) - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS làm bài. + Tại sao em lại viết số: $3\ 082 = 3\ 000 + 80 + 2$ $7\ 002 = 7\ 000 + 2$</p> <p>b) T- ong tự $6\ 000 + 200 + 3 = 6\ 203$ $7\ 000 + 300 + 50 + 1 = 7\ 351$</p>	<p>- HS đọc số, nêu tên chữ số hàng đơn vị, ... chữ số hàng chục nghìn.</p> <p>- 1 chục = 10 đơn vị - 1 trăm = 10 chục - HS lấy ví dụ - Nêu đặc điểm.</p> <p>- Cả lớp làm bài. 2 HS làm trên bảng.</p> <p>- Các số tròn chục nghìn.</p> <p>- 10 000 đơn vị. - Là các số tròn nghìn.</p> <p>- 1 000 đơn vị.</p> <p>- HS làm bài. - HS đổi vở chữa bài.</p> <p>- 2 HS lên bảng chữa. - Cả lớp đổi vở chữa bài. - HS trả lời.</p>

<p>Bài 4(Nếu còn thời gian) - Gọi HS đọc yêu cầu. + Muốn tính chu vi của 1 hình ta làm nh- thế nào? - Yêu cầu HS làm bài. NX. + Để tính chu vi hình ABCD tại sao em lại lấy $6 + 4 + 6 + 4$? + Nêu cho cô cách tính chu vi chu vi hình MNPQ? Vì sao em lại tính nh- vậy? + Tại sao để tính chu vi của hình GHIK em lại lấy 5×4?</p> <p>3) Củng cố - dặn dò: - Nêu cách đọc, viết số có 6 chữ số? - GV nhận xét tiết học. - VN chuẩn bị bài sau.</p>	<p>+ Ta tính tổng độ dài các cạnh của hình đó. - 3 HS làm trên bảng. + Vì MNPQ là hình chữ nhật nên khi tính chu vi của hình này ta lấy chiều dài cộng chiều rộng rồi lấy kết quả nhân với 2. + GHIK là hình vuông nên tính chu vi của hình này ta lấy độ dài cạnh của hình vuông nhân với 4.</p>
--	---

Lịch sử

Tiết 1: MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU:

Học xong bài này, HS biết:

- Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con ng- ời Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng n- ớc và giữ n- ớc từ thời Hùng V- ơng đến buổi thời Nguyễn.
- Biết môn Lịch sử góp phần giáo dục HS tình yêu thiên nhiên, con ng- ời và đất n- ớc Việt Nam.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam, bản đồ hành chính Việt Nam.
- Hình ảnh sinh hoạt của một số dân tộc ở một số vùng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Giới thiệu ch- ơng trình. B. Bài mới: 1. Giới thiệu ch- ơng trình. - Yêu cầu HS đọc tên SGK 2: Tìm hiểu vị trí địa lí, hình dáng của đất n- ớc ta. - GV treo bản đồ tự nhiên Việt Nam và hành chính VN giới thiệu cho HS vị trí và dân c- ở ở mỗi vùng.</p>	<p>- 1 HS đọc tên SGK</p> <p>- HS quan sát</p> <p>- HS xác định trên bản đồ.</p>

- Yêu cầu HS xác định lại trên bản đồ hành chính VN vị trí thành phố mà em đang sống?

+ N- ớc Việt Nam gồm những bộ phận nào? Vùng biển n- ớc ta gọi có đặc điểm gì? Thuộc biển nào?

+ N- ớc ta giáp những n- ớc nào?

- GVKL: N- ớc ta bao gồm phần đất liền, các hải đảo, vùng biển và vùng trời bao trùm lên các bộ phận đó. Phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Căm-pu-chia, phía đông và đông nam là vùng biển.

3. Tìm hiểu con ng- ời, truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- Yêu cầu HS giới thiệu tranh ảnh s- u tâm đ- ọc nói về cảnh sinh hoạt của dân tộc nào đó ở một vùng.

- Yêu cầu HS giới thiệu về tranh ảnh đó.

+ N- ớc ta có bao nhiêu dân tộc anh em? Họ sống ở những đâu?

+ Mỗi dân tộc có những nét gì riêng biệt? Vì sao lại nh- vậy?

+ Hãy tả sơ l- ợc cảnh thiên nhiên và đời sống nơi em ở?

-GVKL: Mỗi dân tộc trên đất n- ớc Việt Nam có nét văn hoá riêng song đều có chung một Tổ quốc, một lịch sử, một truyền thống Việt Nam.

4. Tìm hiểu học môn Lịch sử và Địa lí.

- Để Tổ quốc Việt Nam ta đẹp nh- ngày hôm nay, ông cha ta đã trải qua hàng ngàn năm dựng n- ớc và giữ n- ớc. Em nào có thể kể đ- ọc một sự kiện chứng minh điều đó?

- Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:

+ Môn Lịch sử và Địa lí giúp chúng ta hiểu đ- ọc điều gì?

- Gọi đại diện nhóm trả lời.

- GVKL: Biết môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 giúp HS hiểu biết về thiên nhiên và con ng- ời Việt Nam, biết công lao của ông cha ta trong thời kì dựng n- ớc và giữ n- ớc từ thời Hùng V- ong đến buổi thời Nguyễn.

- Môn Lịch sử góp phần giáo dục HS tình yêu thiên nhiên, con ng- ời và đất n- ớc Việt Nam.

5. Củng cố, dặn dò:

- HS trả lời

- HS giới thiệu tranh ảnh s- u tâm

-HS trả lời

- HS trả lời

- HS trả lời

- HS thảo luận nhóm 4

- Đại diện nhóm trả lời

- GV hướng dẫn cách học môn Lịch sử và Địa lí.
- HD chuẩn bị bài sau

Đạo đức

Tiết 1: TRUNG THỰC TRONG HỌC TẬP

I. MỤC TIÊU: Giúp HS :

- Nêu được một số biểu hiện của trung thực trong học tập.
- Biết được: Trung thực trong học tập giúp em học tập tiến bộ, được mọi người yêu mến.
- Hiểu được trung thực trong học tập là trách nhiệm của học sinh.
- Có thái độ và hành vi trung thực trong học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh vẽ tình huống
- Thẻ màu, bảng phụ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Hoạt động 1: Xử lý tình huống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc ND tình huống - Tổ chức cho HS thảo luận tình huống <p>+ Nếu em là bạn Long em sẽ làm gì? Vì sao em lại làm thế?</p> <p>+ Theo em hành động nào là hành động thể hiện sự trung thực?</p> <p>+ Trong học tập, chúng ta có cần phải trung thực không?</p> <p>KL: Trong học tập, chúng ta cần phải luôn trung thực. Khi mắc lỗi gì trong học tập, ta nên thẳng thắn nhận lỗi và sửa lỗi.</p> <p>2. Hoạt động 2: Sự cần thiết phải trung thực trong học tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS làm việc cả lớp + Trong học tập, vì sao phải trung thực? <p>+ Khi đi học, bản thân chúng ta tiến bộ hay người khác tiến bộ? Nếu chúng ta gian trá chúng ta có tiến bộ được không?</p> <p>KL: Học tập giúp chúng ta tiến bộ. Nếu chúng ta gian trá, giả dối, kết quả học tập là không thực chất, chúng ta sẽ không tiến bộ được.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc ND tình huống - HS quan sát tranh SGK và thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày ý kiến: + Em sẽ báo cáo cô giáo để cô giáo biết trước. + Em sẽ không nói gì để cô không phạt. - HS trả lời - HS trả lời - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi + Trung thực để đạt kết quả học tập tốt. Trung thực để mọi người tin yêu. - HS trả lời

<p>3. Hoạt động 3: Trò chơi “Đúng sai”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS bày tỏ quan điểm của mình thông qua giơ thẻ màu. - GV nêu câu hỏi tình huống, HS nghe và giơ thẻ: giơ màu đỏ nếu câu hỏi tình huống đúng, giơ màu xanh câu hỏi tình huống sai. <p>KL: Các tình huống 3,4,6,8,9 là trung thực trong học tập. Các tình huống 1,2,5,7 là sai vì đó là những hành vi không trung thực, giả trá trong học tập.</p> <p>+ Chúng ta cần làm gì để trung thực trong học tập ?</p> <p>+ Trung thực trong học tập nghĩa là chúng ta không đ- ợc làm gì?</p> <p>3. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hãy nêu những hành vi của bản thân em mà em cho là trung thực. + Nêu những hành vi không trung thực trong học tập mà em đã từng biết. + Tại sao cần phải trung thực trong học tập? Việc không trung thực trong học tập sẽ dẫn đến chuyện gì? <p>KL: Trung thực trong học tập giúp em mau tiến bộ và đ- ợc mọi ng- ời yêu quý, tôn trọng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dặn HS chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS bày tỏ quan điểm của mình thông qua giơ thẻ màu và giải thích vì sao đúng, vì sao sai. - HS trả lời: Chúng ta cần thành thật trong học tập, dũng cảm nhận lỗi mắc phải. - Trung thực nghĩa là: không quay cóp, không nói dối, không chép bài của bạn, không nhắc bài bạn trong giờ kiểm tra. - HS suy nghĩ trả lời
---	--

Thứ ba ngày 7 tháng 9 năm 2010

Toán

ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU: Học sinh:

- Thực hiện đ- ợc phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.
- Biết so sánh, xếp thứ tự (đến 4 số) các số đến 100 000.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ viết BT 4, BT 5.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
A. Kiểm tra bài cũ (3 phút)	

- Cho các chữ số: 1, 4, 7, 9 em hãy:
a) Viết số lớn nhất có 4 chữ số trên.
b) Viết số bé nhất có 4 chữ số trên.
- Yêu cầu HS đọc lại các số vừa viết.

B. Bài mới:

1) Giới thiệu bài

2) H- ớng dẫn ôn tập:

Bài 1

- Gọi HS đọc yêu cầu
- Cả lớp làm bài. – NX.
- Gọi 8 HS tiếp nối nhau thực hiện nhẩm.

Bài 2

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm bài.
- + Muốn cộng 2 số (trừ 2 số) ta làm nh- thế nào?
- + Muốn nhân (chia) với số có 1 chữ số ta làm thế nào?

Bài 3

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu cả lớp làm bài.
- Yêu cầu HS giải thích tại sao $4\ 327 > 3\ 742$?
- Yêu cầu HS giải thích tại sao $97\ 321 < 97\ 400$?; $65\ 300 > 9\ 530$?

Bài 4

- : - Gọi HS đọc yêu cầu.
- Yêu cầu cả lớp làm bài. Gọi 2 HS lên bảng chữa.

a) Vì sao em xếp đ- ọc nh- vậy?

b) Em đã sắp xếp nh- thế nào?

Em có nhận xét gì về các chữ số ở phần a, b?

- 1 HS làm trên bảng. Cả lớp làm ở nháp.

- Mỗi em nhẩm 1 phép tính.

2 HS làm ở bảng phụ.

- 1 HS làm trên bảng phụ.
+ Vì 2 số cùng có 4 chữ số và số 4 327 có chữ số hàng nghìn là 4. Số 3 742 có chữ số hàng nghìn là 3. $4 > 3$ nên $4\ 327 > 3\ 742$.

a) 56 731; 65 371; 67 3 75631.

- Các số đều có 5 chữ số, ta so sánh đến hàng chục nghìn thì đ- ọc $5 < 6 < 7$. Vậy 56 731 là số bé nhất, 75 631 là số lớn nhất, 2 số 65 371, 67 351 có hàng chục nghìn bằng nhau nên ta so sánh đến hàng nghìn thì ta đ- ọc $5 < 7$ nên $65\ 371 < 67\ 351$.

b) 92 678, 82 697, 79 862, 62 978.

- Các số đều có 5 chữ số, ta so sánh đến hàng chục nghìn thì đ- ọc $9 > 8 > 7 > 6$. Vậy ta sắp xếp đ- ọc các số theo thứ tự nh- trên.

- Các chữ số giống nhau nh- ng ở vị trí khác nhau cho những giá trị khác

<p>Bài 5: (Nếu còn thời gian)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu cả lớp làm bài. Gọi 1 HS chữa. - Nếu không còn thời gian chuyển bài 5 xuống buổi chiều. <p>3) <i>Củng cố - dặn dò</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - VN chuẩn bị bài sau. 	<p>nhau.</p>
---	--------------

Chính tả(Nghe -viết)

Tiết1: ĐẾ MÈN BÊNH VỰC KẸ YẾU

Phân biệt l/n, an/ang

I. MỤC TIÊU:

- HS nghe viết chính xác và trình bày đúng bài chính tả Đế Mèn bệnh vực kẻ yếu không mắc quá 5 lỗi.
- Làm đúng bài tập chính tả phân biệt l/n và tìm đúng tên vật chứa tiếng bắt đầu bằng l/n.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ viết bài tập 2a, 3a
- Cái la bàn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Giới thiệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu ch- ơng trình chính tả lớp 4 và tốc độ viết của bài chính tả, bài tập chính tả. <p>B. Dạy học bài mới:</p> <p>1. <i>Giới thiệu bài:</i></p> <p>2. <i>H- ớng dẫn nghe viết chính tả:</i></p> <p>a) Trao đổi về nội dung đoạn trích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 1 HS đọc bài chính tả. - GV đọc lại + Đoạn trích cho em biết điều gì? <p>b) H- ớng dẫn viết từ khó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS viết nháp từ khó, dễ lẫn - HS đọc lại từ vừa viết <p>c) Viết chính tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đọc cho HS viết <p>d) Soát lỗi, chấm bài.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi - 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm. +Hoàn cảnh Đế Mèn gặp Nhà Trò và hình dáng yếu ớt, đáng th- ơng của Nhà Trò. - HS nêu từ dễ viết sai: - 2 HS viết bảng lớp, lớp viết nháp: <i>Cổ x- ớc xanh dài, chùn chùn...</i> - HS nghe viết

<ul style="list-style-type: none"> - Đọc lại bài cho HS soát lỗi. - GV chấm bài. - Nhận xét bài viết của học sinh. <p>3. H- ớng dẫn làm bài tập chính tả:</p> <p>Bài 2a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Hs làm bài vào vở - Gọi HS nhận xét, chữa bài. - GV chốt lời giải đúng. <p>Bài 3a:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu - Yêu cầu HS tự giải câu đố và viết vào vở - Gọi HS nêu và giải câu đố. - GV giới thiệu qua cái la bàn. <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét tiết học. - H- ớng dẫn chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đổi vở cho nhau soát lỗi <ul style="list-style-type: none"> -1 HS đọc yêu cầu - 2 HS làm bài trên bảng, lớp làm vở - HS chữa bài <p>Đáp án: lần - nở nang- béo lẳn - chắc nịch -lông mày - loà xoà - làm cho.</p> <ul style="list-style-type: none"> -1 HS đọc yêu cầu - 1 HS đọc câu đố, 1 Hs nêu lời giải <p>Lời giải: Cái la bàn</p>
---	---

Mĩ thuật

Tiết 1: Vẽ trang trí: MÀU SẮC VÀ CÁCH PHA

(GV chuyên soạn và dạy)

Địa lí

LÀM QUEN VỚI BẢN ĐỒ

I. MỤC TIÊU: Học sinh nắm được:

- Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.
- Biết một số yếu tố của bản đồ: tên bản đồ, ph- ớng h- ớng, kí hiệu bản đồ.
- Học sinh khá giỏi: biết tỉ lệ bản đồ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Một số loại bản đồ: thế giới, châu lục, Việt Nam
- Phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2. Bản đồ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo bản đồ thế giới, châu lục, Việt Nam - Yêu cầu HS đọc tên các loại bản đồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát - 2 HS đọc tên bản đồ - HS suy nghĩ trả lời:

+ Hãy nêu phạm vi lãnh thổ đ- ợc thể hiện trên bản đồ.

- Vậy theo em bản đồ là gì?

GVKL: Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một khu vực hay toàn bộ bề mặt Trái Đất theo một tỉ lệ nhất định.

- Yêu cầu HS đọc SGK, quan sát hình 1,2 chỉ vị trí của hồ Hoàn Kiếm và đền Ngọc Sơn trên hình và trả lời câu hỏi.

+ Ngày nay muốn vẽ bản đồ, chúng ta th- ờng phải làm ntn?

+ Tại sao cùng vẽ về Việt Nam mà bản đồ hình 3 trong SGK lại nhỏ hơn bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam?

- GV nhận xét, sửa sai.

3. Một số yếu tố của bản đồ.

- Yêu cầu các nhóm đọc SGK, quan sát bản đồ và thảo luận các câu hỏi sau:

+ Tên bản đồ cho ta biết điều gì?

+ Trên bản đồ ng- ời ta quy định các h- ớng Bắc, Nam, Đông, Tây nh- thế nào? Chỉ các h- ớng đó trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

+ Tỉ lệ bản đồ cho biết điều gì?

+ Đọc tỉ lệ bản đồ ở hình 2 và cho biết 1 xăng-ti-mét (cm) trên bản đồ ứng với bao nhiêu mét trên thực tế?

+ Bảng chú giải ở hình 3 có những kí hiệu nào? Kí hiệu bản đồ đ- ợc dùng để làm gì?

- Gọi đại diện nhóm trình bày.

- GV: Tỉ lệ bản đồ th- ờng đ- ợc biểu diễn d- ới dạng tỉ số, là một phân số luôn có tử số là 1. Một số càng lớn thì tỉ lệ bản đồ càng nhỏ và ng- ợc lại.

KL: Tên bản đồ, ph- ơng h- ớng, tỉ lệ và kí hiệu bản đồ đó chính là một số yếu tố của bản đồ.

- Tổ chức cho HS thực hành vẽ một số

Bản đồ thế giới thể hiện toàn bộ bề mặt Trái Đất, bản đồ châu lục thể hiện một bộ phận lớn của bề mặt Trái Đất- các châu lục. Bản đồ Việt Nam thể hiện một bộ phận nhỏ hơn bề mặt Trái Đất – n- ớc Việt Nam.

- HS quan sát, đọc thông tin SGK

- HS trả lời tr- ớc lớp.

- HS đọc SGK, quan sát bản đồ và thảo luận các câu hỏi :

- Đại diện nhóm trả lời, nhóm khác bổ sung hoàn thiện.

- Một số HS lên xác định ph- ơng h- ớng của bản đồ trên bảng.

- HS thực hành vẽ một số đối t- ợng địa lí.

<p>đối tượng địa lí: đường biên giới quốc gia, núi, sông, thủ đô, mỏ khoáng sản.</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>+ Thế nào là bản đồ? Nêu một số yếu tố của bản đồ?</p> <p>+ Gia đình em có bản đồ nào? Gia đình em dùng bản đồ đó để làm gì?</p> <p>- GV nhận xét tiết học, HD chuẩn bị bài sau.</p>	
--	--

Khoa học

Tiết 1: CON NG- ỒI CẦN GÌ ĐỂ SỐNG ?

I. MỤC TIÊU: Giúp học sinh :

- Nêu được con ng- ời cần thức ăn, n- ớc uống, không khí, ánh sáng, nhiệt độ để sống.
- Có ý thức giữ gìn các điều kiện vật chất và tinh thần.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình minh hoạ SGK
- Phiếu học tập

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1HĐ1. Khởi động.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu chương trình học. - Yêu cầu HS đọc tên SGK và tên các chủ đề. <p>2. HĐ2: Con ng- ời cần gì để sống?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi sau: + Con ng- ời cần những gì để duy trì sự sống? - Gọi đại diện các nhóm trình bày. - GV nhận xét kết quả thảo luận của các nhóm. - Yêu cầu HS cả lớp bịt mũi ai cảm thấy không chịu được nữa thì giơ tay. + Em có cảm giác ntn khi bịt mũi? Em có thể nhịn 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc tên SGK, các chủ đề - HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện nhóm trình bày Con ng- ời cần: không khí để thở, thức ăn, n- ớc uống, chữa bệnh, đi học, tình cảm... - HS thực hiện theo yêu cầu của GV + Em thấy khó chịu và không thể nhịn thở hơn được nữa. + Em cảm thấy đói, khát và mệt. + Chúng ta cảm thấy buồn và cô đơn.

thở lâu hơn đ- ọc nữa không?

KL: *Nh- vậy chúng ta không thể nhìn thở đ- ọc quá 3 phút.*

+ Nếu nhìn ăn, nhìn uống ta thấy thế nào?

+ Hằng ngày không đ- ọc sự quan tâm của gia đình, bạn bè thì chúng ta sẽ ra sao?

+ Vậy chúng ta cần gì để sống?

KL: *Để sống và phát triển con ng- ời cần:*

- Những đk vật chất nh- : không khí, n- ớc uống, thức ăn, quần áo, ...
- Những điều kiện tinh thần, văn hoá xã hội: tình cảm gia đình, bạn bè, làng xóm, vui chơi giải trí...

3. HĐ3: Những yếu tố cần cho sự sống mà chỉ có con ng- ời cần.

- Yêu cầu HS quan sát hình minh hoạ trang 4,5 SGK.

+ Con ng- ời cần những gì cho cuộc sống hàng ngày của mình?

- GV phát phiếu cho học sinh yêu cầu thảo luận nhóm hoàn thành phiếu học tập

- Gọi HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm và nhóm khác bổ sung

+ Giống nh- động vật, thực vật, con ng- ời cần gì

- HS quan sát tranh minh hoạ

-8 HS tiếp nối nhau trả lời

- HS nhận phiếu, đọc yêu cầu của phiếu và thảo luận nhóm 4.

Phiếu học tập

Hãy đánh dấu x vào các cột t- ơng ứng với những yếu tố cần cho sự sống của con ng- ời, động vật, thực vật.

STT	Những yếu tố cần cho sự sống	Con ng- ời	Động vật	Thực vật
1	Không khí			
2	N- ớc			
3	<input type="checkbox"/> nh sáng			
4	Thức ăn (phù hợp với từng đối t- ơng)			
5	Nhà ở			
6	Tr- ờng học			
7	Tình cảm gia đình			
8	Tình cảm bạn bè			
9	Ph- ơng tiện giao thông			
10	Quần áo			
11	Ph- ơng tiện đi			

<p>để duy trì sự sống?</p> <p>+ Hơn hẳn thực vật, động vật con người cần gì để sống?</p> <p>GVKL: Ngoài những yếu tố mà cả thực vật, động vật đều cần như nước, thức ăn, không khí, ánh sáng con người còn cần các điều kiện khác về tinh thần, văn hoá, xã hội và những tiện nghi khác như: Nhà ở, bệnh viện, trường học, phương tiện giao thông...</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>+ Vậy con người cần gì để sống?</p> <p>+ Chúng ta cần làm gì để bảo vệ và giữ gìn những điều kiện đó?</p> <p>- GV nhận xét tiết học. - Về nhà tìm hiểu hàng ngày chúng ta lấy vào và thải ra những gì.</p>		vui chơi giải trí.			
	12	Bệnh viện			
	13	Sách, báo			
	14	Đồ chơi			

- HS trả lời
- Chúng ta cần giữ gìn môi trường xung quanh, các phương tiện giao thông và công trình công cộng, tiết kiệm nước, giúp đỡ những người xung quanh.

Thứ ngày 09 tháng 9 năm 2010

Luyện từ và câu

Tiết 1: CẤU TẠO CỦA TIẾNG

I. MỤC TIÊU:

- Học sinh nắm được cấu tạo ba phần của tiếng: *âm đầu, vần, thanh*
- Điền được các bộ phận cấu tạo của từng tiếng trong câu tục ngữ ở BT1 vào bảng mẫu.

* Học sinh khá, giỏi: giải thích được câu đố ở BT2.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ vẽ sơ đồ cấu tạo của tiếng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
---------------------------	--------------------------

A. Giới thiệu :

B. Dạy học bài mới:

1. Giới thiệu bài:

2. Tìm hiểu bài:

a) Tìm hiểu ví dụ:

- Yêu cầu HS đọc thầm và đếm câu tục ngữ có bao nhiêu tiếng:

- GV ghi bảng:

+ Hai câu thơ trên có bao nhiêu tiếng?

- Yêu cầu HS đánh vần thầm và ghi lại cách đánh vần tiếng **bầu**

- Gọi HS lên bảng ghi lại cách đánh vần.

- GV ghi sơ đồ:

Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh
bầu	b	âu	huyền

- Yêu cầu HS suy nghĩ trả lời câu hỏi:

Tiếng bầu gồm mấy bộ phận? Đó là những bộ phận nào?

* **Tiếng bầu** gồm 3 bộ phận: *âm đầu, vần, thanh.*

+ Trong tiếng Việt có mấy dấu thanh? Đó là những dấu thanh nào?

- Yêu cầu HS kẻ bảng và phân tích các tiếng còn lại.

+ Tiếng do những bộ phận nào tạo thành? Cho ví dụ.

+ Trong tiếng bộ phận nào không thể thiếu? Bộ phận nào có thể thiếu?

*KL: Trong mỗi tiếng bắt buộc phải có vần và dấu thanh. Thanh ngang không đ-ợc đánh dấu khi viết.

b) Ghi nhớ:

- Yêu cầu 1 HS đọc ghi nhớ SGK-7

- Gọi 1 HS lên bảng chỉ vào sơ đồ và nói lại phần Ghi nhớ.

* *L- u ý:* Khi viết các dấu thanh của tiếng đều đ-ợc đánh dấu ở phía trên hoặc phía d-ới âm chính của vần

3. Luyện tập:

Bài 1:

- HS đọc thầm và đếm số tiếng trong câu tục ngữ.

-Hai câu tục ngữ có 14 tiếng

- HS đánh vần: *bờ- âu- bầu- huyền- bầu*

- HS suy nghĩ và trả lời

+ Trong tiếng Việt có 6 dấu thanh: huyền, sắc, hỏi, ngã, nặng, ngang

- HS phân tích cấu tạo của các tiếng còn lại.

- Tiếng do bộ phận âm đầu, vần, thanh tạo thành. Ví dụ tiếng *th-ơng*. Hay tiếng do vần và thanh tạo thành. Ví dụ tiếng *ơ*

- Trong tiếng bộ phận vần và thanh không thể không thể thiếu. Bộ phận âm đầu có thể thiếu.

- HS đọc Ghi nhớ

- 1HS lên bảng chỉ và nêu lại Ghi nhớ

<ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu của bài - Yêu cầu HS phân tích cấu tạo của tiếng trong VBT. - Gọi HS chữa bài, chốt kết quả đúng. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu của bài - Yêu cầu HS suy nghĩ và giải câu đố. - Yêu cầu HS giải thích - Nhận xét về đáp án đúng. <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiếng do những bộ phận nào tạo thành? - GV nhận xét tiết học. - HD chuẩn bị bài sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu của bài - HS phân tích cấu tạo của tiếng - HS nêu kết quả bài làm. <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc yêu cầu - HS nêu đáp án: Sao vì để nguyên là ông sao trên trời, bót âm đầu s thành ao, ao là nơi cá bơi lội hằng ngày.
---	---

Toán

Tiết 3: ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100 000 (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU:

- Tính nhẩm, thực hiện đ- ọc phép cộng, phép trừ các số có đến năm chữ số; nhân (chia) số có đến năm chữ số với (cho) số có một chữ số.
- Tính được giá trị của biểu thức.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Kiểm tra bài cũ: (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết số chẵn lớn nhất có 5 chữ số. - Viết số lẻ bé nhất có 5 chữ số. - Yêu cầu HS đọc lại các số vừa viết. <p>+ Thế nào là số chẵn, số lẻ?</p> <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài</p> <p>2) H- ớng dẫn ôn tập</p> <p>Bài 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm. - Nêu cách nhẩm các phép tính. <p>Bài 2:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS tự làm. - Yêu cầu HS nêu lại cách thực hiện các phép tính. <p>+ Muốn cộng (trừ) 2 số có nhiều chữ số</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS làm trên bảng lớp - Cả lớp làm ở nháp. <ul style="list-style-type: none"> - 2 HS làm ở bảng phụ. - HS nối tiếp nhau trả lời. <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở - 2 HS làm bài trên bảng <p style="text-align: center;">-</p>

ta làm thế nào?

+ Muốn nhân (chia) với số có 1 chữ số ta làm thế nào?

Bài 3:

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Yêu cầu HS tự làm.

+ Nếu biểu thức có phép tính cộng, trừ ta làm thế nào?

+ Nếu biểu thức có phép tính cộng hoặc trừ nhân hoặc chia ta làm thế nào?

+ Nếu biểu thức có dấu ngoặc đơn ta làm thế nào?

Bài 4:

- Gọi HS đọc yêu cầu.

- Yêu cầu HS tự làm.

+ Muốn kiểm tra kết quả bạn làm có đúng không ta làm thế nào?

Bài 5: (Nếu còn thời gian)

- Gọi HS đọc đề toán.

+ Bài toán thuộc loại toán gì?

- Yêu cầu HS tóm tắt và giải.

+ B- ớc nào là b- ớc rút về đơn vị?

+ Rút về đơn vị là nh- thế nào?

3) Củng cố - dặn dò

- GV nhận xét tiết học.

- VN chuẩn bị bài sau.

- HS TL

- HS TL

- HSTL

- 2 HS chữa trên bảng phụ.

$$x + 875 = 9\ 936$$

$$x = 9\ 061$$

$$x - 725 = 8\ 259$$

$$x = 8\ 984$$

$$x \times 2 = 4\ 826$$

$$x = 2\ 413$$

$$x : 3 = 1\ 532$$

$$x = 4\ 596$$

+ rút về đơn vị.

+ 1 HS lên bảng tóm tắt, 1 HS giải.

Tóm tắt:

4 ngày : 680 chiếc

7 ngày : ... chiếc?

Bài giải:

Số ti vi nhà máy sản xuất đ- ợc trong 1 ngày là:

$$680 : 4 = 170 \text{ (chiếc)}$$

Số ti vi nhà máy sản xuất đ- ợc trong 7 ngày là:

$$170 \times 7 = 1\ 190 \text{ (chiếc)}$$

Đáp số: 1 190 chiếc

Thế dục

**Tiết 1: GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH
TRÒ CHƠI “ CHUYÊN BÓNG TIẾP SỨC”**

(GV chuyên soạn và giảng dạy)

Kể chuyện

SỰ TÍCH HỒ BA BỂ

I. MỤC TIÊU:

- HS nghe kể lại đ- ọc từng đoạn câu chuyện theo tranh minh hoạ và kể nối tiếp đ- ọc toàn bộ câu chuyện.

- Hiểu đ- ọc ý nghĩa của câu chuyện: Giải thích sự hình thành hồ Ba Bể và ca ngợi những con ng- ời giàu lòng nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Các tranh minh hoạ truyện trong SGK (phóng to)

- Các tranh cảnh về hồ Ba Bể hiện nay.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Giới thiệu:</p> <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài:</p> <p>2) GV kể chuyện:</p> <p>- GV kể lần 1, sau đó giải nghĩa 1 số từ khó đ- ọc chú thích sau truyện:</p> <p>+ Câu phúc:</p> <p>+ Giao long:</p> <p>+ Bà goá:</p> <p>+ Làm việc thiện:</p> <p>+ Băng quơ:</p> <p>- GV kể lần 2, vừa kể vừa chỉ vào tranh minh hoạ.</p> <p>+ Trong câu chuyện có những nhân vật nào?</p> <p>3) H- ớng dẫn HS kể chuyện.</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận theo nhóm 4 (3 phút) ghi lời thuyết minh cho từng tranh.</p> <p>- Gọi các nhóm trình bày. NX, nhắc lại.</p> <p>- Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm 4 (5 phút): dựa vào tranh SGK để kể lại.</p> <p>- Gọi đại diện 2 nhóm lên kể lại, nhận xét.</p> <p>- Gọi 1 HS kể lại toàn bộ truyện.</p> <p>4) Tìm hiểu nội dung:</p>	<p>+ Câu xin đ- ợc h- ớng điều tốt lành.</p> <p>+ Loài rắn lớn, còn gọi là thường luồng.</p> <p>+ Ng- ời phụ nữ có chồng bị chết.</p> <p>+ Làm điều tốt lành cho ng- ời khác.</p> <p>+ Không đâu vào đâu, không tin t- ờng.</p> <p>+ Bà cụ ăn xin, mẹ con bà nông dân, bà con dự lễ hội.</p> <p>+ Tranh 1: Sự xuất hiện của bà cụ ăn xin.</p> <p>+ Tranh 2: Hai mẹ con bà goá cho bà cụ ăn xin nghỉ.</p> <p>+ Tranh 3: Chuyện xảy ra trong đêm lễ hội.</p> <p>+ Tranh 4: Sự hình thành hồ Ba Bể.</p> <p>- Hoạt động trong nhóm.</p> <p>- 2 nhóm HS kể lại.</p> <p>- 1 HS kể lại.</p>

<p>+ Câu chuyện cho em biết điều gì? + Theo em ngoài giải thích sự hình thành hồ Ba Bể, câu chuyện còn nói với ta điều gì? 5) Củng cố - dặn dò: - Em hãy kể tên 1 số câu chuyện thể hiện lòng nhân ái. GV: Bất cứ ở đâu con ng-ời cũng phải có lòng nhân ái, sẵn sàng giúp đỡ những ng-ời gặp khó khăn, hoạn nạn. Những ng-ời đó sẽ đ-ợc đền đáp xứng đáng, gặp nhiều may mắn trong cuộc sống. - GV nhận xét tiết học, dặn về nhà kể lại câu chuyện cho ng-ời thân nghe. - Dặn HS luôn có lòng nhân ái, giúp đỡ mọi ng-ời nếu mình có thể.</p>	<p>+ Câu chuyện cho em biết sự hình thành của hồ Ba Bể. + Ngoài giải thích sự hình thành hồ Ba Bể, câu chuyện còn ca ngợi những con ng-ời giàu lòng nhân ái, biết giúp đỡ ng-ời khác sẽ gặp nhiều điều tốt lành.</p>
---	---

Kĩ thuật

Tiết 1: VẬT LIỆU, DỤNG CỤ CẮT, KHÂU, THÊU

I. MỤC TIÊU:

- HS biết đ-ợc đặc điểm, tác dụng và cách sử dụng, bảo quản những vật liệu, dụng cụ đơn giản th-ờng dùng để cắt, khâu, thêu.
- Biết cách và thực hiện đ-ợc thao tác xâu chỉ vào kim và vê nút chỉ.
- Giáo dục ý thức thực hiện an toàn lao động.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bộ dụng cụ cắt, khâu, thêu. 1 số sản phẩm may, khâu, thêu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Giới thiệu bài: - GV cho HS quan sát 1 số mẫu sản phẩm (túi, khăn tay, vỏ gối...) và nêu: Đây là những sản phẩm đ-ợc làm từ cách khâu, thêu trên vải. B. Bài giảng: 1) H-ớng dẫn HS tìm hiểu vật liệu khâu, thêu. <i>a/ Vải:</i> - Giới thiệu các mẫu vải. - GV h-ớng dẫn HS quan sát 1 số mẫu vải trong bộ đồ dùng khâu, thêu. + Đặc điểm của vải (màu sắc hoa văn nh-</p>	<p>- Quan sát các mẫu vải. - 1 – 2 HS trả lời.</p>

<p>thế nào? Độ dày mỏng ra sao?)</p> <ul style="list-style-type: none">- NX câu trả lời của HS và KL đặc điểm của vải theo nội dung 1a trong SGK.+ Nêu tên 1 số loại vải mà em biết.- H- óng dẫn HS chọn loại vải để học khâu, thêu. Chọn vải trắng hoặc vải màu có sợi thô, dày nh- vải sợi bông, vải sợi pha. Không nên sử dụng vải lụa, xa tanh, vải ni lông... vì những loại vải này mềm, nhũn, khó cắt, khó vạch dấu và khó, khâu, thêu.<i>b/ Chỉ:</i> - Giới thiệu mẫu chỉ khâu, thêu.- H- óng dẫn HS quan sát mẫu chỉ khâu, thêu đã chuẩn bị và kết hợp quan sát hình 1 SGK.+ Hãy nhận xét hình dạng và màu sắc của chỉ khâu, chỉ thêu.- Yêu cầu HS chọn đúng 2 loại chỉ (chỉ khâu, chỉ thêu)- NX mức độ hiểu bài của toàn lớp và KL theo mục 1 b trong SGK.- L- u ý: Muốn có đ- ờng khâu, thêu đẹp phải chọn chỉ khâu có độ mảnh và độ dai phù hợp với độ dày và độ dai của sợi vải.VD: Khâu vải mỏng phải chọn sợi chỉ mảnh, nh- ng nếu khâu trên vải dày thì phải dùng chỉ sợi to hơn. GV minh hoạ bằng mẫu chỉ t- ong ứng với mẫu vải để HS hiểu rõ hơn. <p>3. Củng cố – dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nận xét tiết học.Dặn HS về nhà CBBS.	<ul style="list-style-type: none">- 1 – 2 HS trả lời.- Quan sát mẫu chỉ và hình 1 SGK.- 1 – 2 HS trả lời SGK.- 1 HS lên bảng nhận dạng chỉ.
--	--

Thứ năm ngày 10 tháng 9 năm 2010

Tập đọc

Tiết 2: MẸ ỒM

I. MỤC TIÊU:

- Đọc rành mạch, trôi chảy; b- ớc đầu biết đọc diễn cảm 1,2 khổ thơ với giọng nhẹ nhàng tình cảm.
- Hiểu nội dung bài thơ: Tình cảm yêu th- ong sâu sắc và tấm lòng hiếu thảo, biết ơn của bạn nhỏ với ng- ời mẹ bị ốm..
- Học thuộc lòng ít nhất 1 khổ thơ trong bài.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh minh hoạ bài đọc.

- Tập thơ: Góc sân và khoảng trời – Trần Đăng Khoa
- Bảng phụ

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A.Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 3 HS đọc bài Dế Mèn bênh vực kẻ yếu và trả lời câu hỏi nội dung bài.- GV nhận xét, cho điểm. <p>B. Dạy học bài mới.</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>2.H- óng dẫn luyện đọc và tìm hiểu bài.</p> <p>a) Luyện đọc:</p> <ul style="list-style-type: none">- Gọi 1 HS đọc bài- Tổ chức cho HS đọc nối tiếp bài thơ, GV kết hợp sửa lỗi phát âm, ngắt giọng.- Tổ chức luyện đọc theo cặp- Gọi HS đọc chú giải cuối bài.- GV đọc mẫu <p>b) Tìm hiểu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Bài thơ cho ta biết chuyện gì? <p>+Em hiểu những câu thơ sau muốn nói điều gì? “<i>Lá trầu khô giữa cối trầu</i> <i>Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay</i>”</p> <p style="text-align: center;"><i>Cánh màn khép mỏng cả ngày</i> <i>Ruộng v- òn vắng mẹ cuộc cày sớm</i> <i>tr- a</i></p> <ul style="list-style-type: none">+ Em hình dung khi mẹ không ồm thì lá trầu, truyện Kiều và ruộng v- òn ntn?+ Em hiểu ý nghĩa của cụm từ <i>lặn trong đời mẹ</i> là ntn? <p>- Yêu cầu HS đọc thầm khổ thơ 3 + Sự quan tâm chăm sóc của bà con làng xóm đối với mẹ bạn nhỏ đ- ọc thể hiện qua những câu thơ nào?</p>	<ul style="list-style-type: none">- Hs thực hiện theo yêu cầu của GV. <ul style="list-style-type: none">- 1 HS đọc bài, lớp đọc thầm.- 7 HS tiếp nối nhau đọc bài thơ <ul style="list-style-type: none">- HS luyện đọc theo cặp- 1 HS đọc chú giải <ul style="list-style-type: none">+ Bài thơ cho biết mẹ bạn nhỏ bị ốm và mọi ng- ời rất quan tâm, lo lắng cho mẹ nhất là bạn nhỏ+ Mẹ của Khoa bị ốm không ăn trầu đ- ọc, truyện Kiều mẹ không đọc, ruộng v- òn vắng bóng mẹ không làm vì mẹ nằm gi- òng rất mệt. <ul style="list-style-type: none">+ Khi mẹ không mệt lá trầu mẹ ăn hàng ngày...+ Những vất vả nơi đồng ruộng qua ngày tháng đã để lại trong mẹ và bây giờ đã làm mẹ mệt. <ul style="list-style-type: none">+ Câu thơ: <i>Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm; Ng- òi cho trứng, ng- òi cho cam; Và anh y sĩ đã mang thuốc vào.</i>+ Tình làng nghĩa xóm thật là sâu nặng, đậm đà, nhân ái.+ HS trả lời theo ý hiểu của mình

<p>+ Những việc làm đó cho em biết điều gì?</p> <p>+ Những câu thơ nào trong bài bộc lộ tình yêu th-ơng sâu sắc của bạn nhỏ đối với mẹ? Vì sao em cảm nhận đ-ợc điều đó?</p> <p>+ Vậy bài thơ muốn nói với chúng ta điều gì?</p> <p>c) <i>Học thuộc lòng bài thơ:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi 3 HS tiếp nối nhau đọc bài thơ - HS đọc diễn cảm theo cặp - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm. - Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng bài thơ. - GV nhận xét, cho điểm. <p>C. Củng cố, dặn dò:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - HD chuẩn bị bài sau 	<p>* <i>Tình cảm yêu th-ơng sâu sắc, sự hiếu thảo, lòng biết ơn của bạn nhỏ với ng-ời mẹ.</i></p> <p>- HS đọc thầm, tìm giọng đọc của bài.</p>
---	--

Toán

Tiết 4 : BIỂU THỨC CÓ CHỨA MỘT CHỮ

I. MỤC TIÊU:

- B- ớc đầu nhận biết đ-ợc biểu thức có chứa một chữ.
- Biết cách tính giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng số nh- SGK, bảng phụ viết nội dung BT 2.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Kiểm tra bà cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính giá trị của biểu thức: $(75\ 894 - 54\ 689) \times 3$ $13\ 545 + 24\ 318 : 3$ <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài</p> <p>2) Giới thiệu biểu thức có chứa 1 chữ</p> <p>a. Biểu thức có chứa một chữ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc bài toán ví dụ. + Muốn biết bạn Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở ta làm thế nào? - GV treo bảng số nh- SGK và hỏi: 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS làm trên bảng lớp - Cả lớp làm ở nháp. + Ta cộng số vở của Lan có ban đầu với số vở mẹ cho thêm.

Nếu mẹ cho Lan thêm 1 quyển vở thì bạn Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở? - GV nghe HS trả lời và viết số 1 vào cột *thêm*, viết $3 + 1$ vào cột *có tất cả*.

- GV làm t-ơng tự với các tr-ờng hợp thêm 2, 3, 4 quyển vở.

- Lan có 3 quyển vở, nếu mẹ cho Lan thêm a quyển vở thì Lan có tất cả bao nhiêu quyển vở?

- $3 + a$ đ-ợc gọi là biểu thức có chứa 1 chữ.

+ Em có nhận xét gì về biểu thức này?
b. Giá trị của biểu thức chứa một chữ.

- GV hỏi và viết lên bảng: Nếu $a = 1$ thì $3 + a = ?$

- Khi đó ta nói 4 là một giá trị của biểu thức $3 + a$.

- Làm t-ơng tự với $a = 2, 3, 4, \dots$

+ Khi biết 1 giá trị cụ thể của a, muốn tính giá trị của biểu thức $3 + a$ ta làm nh- thế nào?

+ Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính đ-ợc gì? - Hãy nêu VD về các biểu thức có chứa một chữ và cách đọc các biểu thức đó.

3) Luyện tập – thực hành

Bài 1*: - Gọi HS đọc yêu cầu.

- GV viết lên bảng biểu thức $6 - b$ và yêu cầu HS đọc biểu thức này.

- Chúng ta phải tính giá trị của biểu thức $6 - b$ với b bằng mấy?

- Nếu $b = 4$ thì $6 - b$ bằng bao nhiêu?

- Giá trị của biểu thức $6 - b$ với $b = 4$ là bao nhiêu?

- Yêu cầu HS tự làm bài.

- Gọi HS chữa $b = 108, c = 95$.

Bài 2*: - Gọi HS đọc yêu cầu.

- GV chỉ bảng: + Dòng thứ nhất trong bảng cho em biết điều gì?

+ Dòng thứ hai trong bảng cho em biết điều gì?

- có tất cả $3 + 1$ quyển vở.

- HS nêu số vở có tất cả trong từng tr-ờng hợp.

- Lan có tất cả $3 + a$ quyển vở.

- gồm số, dấu tính và 1 chữ.

- Nếu $a = 1$ thì $3 + a = 3 + 1 = 4$.

+ Ta thay giá trị của a vào biểu thức rồi thực hiện tính.

- một giá trị của biểu thức $3 + a$.

- 3 HS nêu.

- Tính giá trị của biểu thức $6 - b$ với $b = 4$.

- Nếu $b = 4$ thì $6 - b = 6 - 4 = 2$.

- là $6 - 4 = 2$.

- HS làm bài.

- Cho biết giá trị cụ thể của x (hoặc y)

- Giá trị của biểu thức $125 + x$ t-ơng ứng với từng giá trị của x ở dòng trên

- x có các giá trị là 8, 30, 100.

- Giá trị của biểu thức $125 + x = 125 + 8 = 133$.

<p>+ x có những giá trị cụ thể nào? + Khi $x = 8$ thì giá trị của biểu thức $125 + x$ là bao nhiêu? - Yêu cầu HS tự làm tiếp phần còn lại Bài 3*: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Nêu biểu thức trong phần a. + Chúng ta phải tính giá trị của biểu thức $250 + m$ với những giá trị nào của m? - Yêu cầu HS làm bài.- Gọi HS đọc bài làm. 4) Củng cố – dặn dò - Nêu VD về biểu thức có chứa 1 chữ. - GV nhận xét tiết học.</p>	<p>- Biểu thức $250 + m$. - Tính giá trị của biểu thức $250 + m$ với $m = 10, m = 80, m = 30$.</p>
--	--

Âm nhạc

Tiết 1: ÔN TẬP 3 BÀI HÁT VÀ KÍ HIỆU GHI NHẠC ĐÃ HỌC Ở LỚP

3

(GV chuyên soạn và giảng dạy)

Tập làm văn

Tiết 1: THẾ NÀO LÀ KỂ CHUYỆN ?

I. MỤC TIÊU:

- HS hiểu đ- ọc đặc điểm cơ bản của văn kể chuyện.
- B- ớc đầu biết kể lại một câu chuyện ngắn có đầu có cuối, liên quan đến 1,2 nhân vật và nói lên đ- ọc một điều có ý nghĩa.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ, bút dạ.
- Bài văn về hồ Ba Bể

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Mở đầu b. Bài mới: 1) Giới thiệu bài 2) Nhận xét (Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. - Gọi 1 hs kể lại câu chuyện “<i>Sự tích hồ Ba Bể</i>”. - Cả lớp thảo luận nhóm 6 (5 phút) và thực hiện các yêu cầu của BT.</p>	<p>- 1 HS kể lại chuyện. - Thảo luận trong nhóm, ghi kết quả thảo luận vào phiếu. - Dán kết quả thảo luận. - Nhận xét, bổ sung (Thiết kế)</p>

- Các nhóm dán kết quả thảo luận.
- Nhận xét, bổ sung.

Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.

- + Bài văn có nhân vật không?
- + Bài văn có các sự kiện xảy ra đối với nhân vật không?
- + Bài văn giới thiệu những gì về hồ Ba Bể?

+ Bài *Hồ Ba Bể* với bài *Sự tích hồ Ba Bể*, bài nào là văn kể chuyện? Vì sao?

Bài 3:

+ Theo em thế nào là kể chuyện?

GV: Bài văn *Hồ Ba Bể* không phải là văn kể chuyện mà là văn giới thiệu về hồ Ba Bể là 1 danh lam thắng cảnh, địa điểm du lịch. Kể chuyện là kể lại 1 chuỗi sự việc có đầu có cuối, có liên quan đến 1 số nhân vật. Mỗi câu chuyện phải nói lên đ-ợc 1 điều có ý nghĩa.

3) Ghi nhớ (3 phút)- Gọi HS đọc.

- Yêu cầu HS lấy VD về các câu chuyện để minh họa cho nội dung này.

4) Luyện tập

Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.

GV hướng dẫn:

- + Tr-ớc khi kể cần xác định nhân vật của câu chuyện là ai?
- + Truyện cần nói đ-ợc sự giúp đỡ tuy nhỏ nh-ng rất thiết thực của em đối với ng-ời phụ nữ.
- + Em cần kể chuyện ở ngôi thứ nhất (x- ng em hoặc tôi) vì mỗi em vừa trực tiếp tham gia vào câu chuyện vừa kể lại truyện.

- + Bài văn không có nhân vật.
- + Bài văn không có sự kiện nào xảy ra.

+ Bài văn giới thiệu về vị trí, độ cao, chiều dài, địa hình, cảnh đẹp của hồ Ba Bể.

+ Bài *Sự tích hồ Ba Bể* là văn kể chuyện, vì có nhân vật, có cốt truyện, có ý nghĩa câu chuyện. Bài *Hồ Ba Bể* không phải văn kể chuyện mà là bài văn giới thiệu về hồ Ba Bể.

+ Kể chuyện là kể lại một câu chuyện có nhân vật, có cốt truyện, có các sự kiện liên quan đến nhân vật. Câu chuyện đó phải có ý nghĩa.

- Truyện “ *Dế Mèn bênh vực kẻ yếu*” có các nhân vật, có các sự kiện và ý nghĩa câu chuyện.

+ Nhân vật :Dế Mèn, Nhà Trò, câu chuyện về Nhà Trò làm Dế Mèn bất bình. □ nghĩa câu truyện: ca ngợi tấm lòng nghĩa hiệp của Dế Mèn.

- 1 HS đọc yêu cầu trong SGK

- HS làm bài
- HS trình bày

<ul style="list-style-type: none"> - Từng cặp HS kể cho nhau. - Gọi 2, 3 HS thi kể tr-ớc lớp. - Nhận xét, bổ sung. <p>Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>+ Câu chuyện em vừa kể có những nhân vật nào?</p> <p>+Nêu ý nghĩa của câu chuyện.</p> <p>KL: Trong cuộc sống cần quan tâm giúp đỡ lẫn nhau. Đó là ý nghĩa của câu chuyện chúng ta vừa kể.</p> <p>5) Củng cố - dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu lại ghi nhớ. - VN học ghi nhớ. Viết lại vào vở câu chuyện em vừa kể. 	<ul style="list-style-type: none"> - Em và ng-ời phụ nữ có con nhỏ. - Đó là em và ng-ời phụ nữ có con nhỏ. Nếu có HS nói là đứa con nhỏ cũng là 1 nhân vật. GV chấp nhận ý kiến này là đúng nh-ng nên nói rõ thêm đó là 1 nhân vật phụ. - Quan tâm giúp đỡ nhau là 1 nếp sống đẹp.
--	---

BUỔI CHIỀU:

Khoa học
TRAO ĐỔI CHẤT Ở NG- ỒI

I. MỤC TIÊU:

- Nêu đ-ợc một số biểu hiện về sự trao đổi chất giữa cơ thể ng-ời với môi tr-ờng nh- : lấy vào khí ô - xi, thức ăn, n-ớc uống, thải ra khí các- bô-nic, phân và n-ớc tiểu.
- Hoàn thành sơ đồ sự trao đổi chất giữa cơ thể ng-ời với môi tr-ờng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Hình minh hoạ SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Khởi động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS trả lời câu hỏi: + Giống nh- thực vật, động vật con ng-ời cần những gì để duy trì sự sống và hơn hẳn chúng con ng-ời cần gì để sống? + Để có điều kiện cần cho sự sống chúng ta phải làm gì? - GV nhận xét, cho điểm. + □ nhà em đã tìm hiểu những gì con ng-ời lấy vào và thải ra hàng ngày? - GV giới thiệu bài mới <p>2. HĐ1: Trong quá trình sống, cơ thể ng-ời lấy gì và thải ra những gì?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS quan sát tranh minh hoạ 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS trả lời - 2 HS trả lời - HS trả lời tự do theo suy nghĩ. - HS quan sát tranh minh hoạ và trao đổi cặp trả lời câu hỏi.

<p>trang 6 thảo luận theo cặp và trả lời câu hỏi.</p> <p>+ Trong quá trình sống của mình, cơ thể lấy vào và thải ra môi trường những gì?</p> <p>- Gọi HS trả lời</p> <p>GVKL: Hằng ngày cơ thể người phải lấy từ môi trường thức ăn, nước uống, khí ô-xi và thải ra ngoài môi trường phân, nước tiểu, khí cac-bô-níc.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc mục “<i>Bạn cần biết</i>” và trả lời câu hỏi. Quá trình trao đổi chất là gì?</p> <p>GVKL: Quá trình cơ thể lấy thức ăn, nước uống, không khí từ môi trường xung quanh để tạo ra những chất riêng và tạo ra năng lượng dùng cho mọi hoạt động sống của mình, đồng thời thải ra ngoài môi trường những chất thừa, cặn bã được gọi là quá trình trao đổi chất. Nhờ có quá trình trao đổi chất với môi trường mà con người mới sống được.</p> <p>3. HĐ3: Vẽ sơ đồ trao đổi chất giữa cơ thể người với môi trường.</p> <p>- GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ trao đổi chất theo nhóm 2.</p> <p>- Gọi đại diện một số nhóm lên trình bày kết quả học tập của mình</p> <p>- GV nhận xét cách trình bày và sơ đồ của từng nhóm.</p> <p>4. Củng cố, dặn dò:</p> <p>+ Con người nhận và thải ra môi trường những gì?</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p> <p>- HD chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS trả lời</p> <p>- 2-3 HS nhắc lại</p> <p>- 2 HS đọc to trước lớp</p> <p>- HS trả lời: Quá trình trao đổi chất là quá trình cơ thể lấy thức ăn, nước uống từ môi trường và thải ra ngoài môi trường những chất thừa, cặn bã.</p> <p>- HS vẽ sơ đồ trao đổi chất theo cặp</p> <p>- Đại diện một số nhóm trình bày</p> <p>- HS trả lời</p>
---	---

Rèn chữ- Luyện phát âm
LUYỆN PHÁT ÂM L/N

I. MỤC TIÊU:

- Giúp học sinh hiểu được tác hại của việc phát âm, viết sai phụ âm l/n.

- H- ớng dẫn học sinh cách phát âm l/n
- Học sinh nắm đ- ọc cách viết tên riêng và tên riêng n- ớc ngoài.
- Viết đ- ọc

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY □ HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1. Tác hại của việc phát âm sai. + Theo em việc phát âm sai l/n có tác hại gì ? - Trong tiếng Việt hai phụ âm l/n là hai phụ âm khác nhau rõ ràng. Sự kết hợp mỗi phụ âm này với cùng một vần và thanh điệu sẽ tạo thành những tiếng mang nghĩa khác nhau. - Phát âm sai sẽ làm ng- ời nghe hiểu sai nghĩa của từ. - Nói lẫn dẫn đến viết sai chính tả. - Viết văn bản sai chính tả sẽ dẫn đến cách hiểu sai bản chất sự việc.</p> <p>2. H- ớng dẫn cách phát âm. - GV h- ớng dẫn cách phát âm - GV phát âm mẫu.</p> <p>3</p> <p>3. Củng cố, dặn dò: - Nhận xét tiết học -H- ớng dẫn chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- HS TL</p> <p>- HS nghe</p> <p>- HS chú ý</p> <p>- HS nghe</p> <p>- HS thực hành phát âm</p>

H- ớng dẫn học

ÔN TẬP CẤU TẠO CỦA TIẾNG

I. MỤC TIÊU:

- Giúp HS hoàn thành các bài trong ngày.
- Làm các bài tập LTVC để củng cố về cấu tạo của tiếng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: - Bảng phụ, phấn màu. GV kẻ sẵn bảng để HS làm BT 1.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>1) Giúp HS hoàn thành các bài trong ngày</p> <p>2) Bài tập</p> <p>Bài 1: Phân tích cấu tạo của từng tiếng trong câu ca dao sau: <i>Trong đầm gì đẹp bằng sen</i> <i>Lá xanh bông trắng lại chen nhị</i></p>	<p>- HS hoàn thành các bài trong ngày.</p> <p>- HS viết vào bảng kẻ sẵn theo mẫu:</p>

<p>vàng.</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng phân tích vào bảng GV kẻ sẵn trên bảng.</p> <p>Bài 2: Trong các câu thơ d- ới đây, những tiếng nào không đủ ba bộ phận: âm đầu, vần, thanh:</p> <p><i>Ao chuôm ếch nói ao chuôm</i> <i>Rào rào, gió nói cái v- òn rộng</i> <i>rênh</i> <i>Âu, chó nói đêm thanh</i> <i>Tẻ .. te gà nói sáng banh ra rồi.</i> Trần Đăng</p> <p>Khoa</p> <p>- Gọi HS phát biểu</p> <p>- Yêu cầu HS phân tích các tiếng vừa tìm đ- ọc.</p> <p>Bài 3: Câu đố d- ới đây nói tới những chữ (tiếng) nào?</p> <p><i>Bỏ đầu thứ bậc d- ới anh</i> <i>Bỏ đuôi, tôi lại chạy nhanh hơn</i> <i>ng- ời.</i> <i>Nếu mà để cả đầu đuôi</i> <i>Ở đâu có hội xin mời tôi đi.</i></p> <p>- Yêu cầu HS viết câu giải đố ra vở.</p> <p>- Gọi HS đọc câu trả lời.</p> <p>+ Vì sao em tìm đ- ọc các chữ đó?</p> <p>3) <i>Củng cố, dặn dò:</i></p> <p>- Tiếng gồm mấy bộ phận tạo thành, bộ phận nào không thể thiếu trong tiếng?</p> <p>- Về nhà học bài và CBBS.</p>	<table border="1" data-bbox="768 186 1500 317"> <thead> <tr> <th>Tiếng</th> <th>Âm đầu</th> <th>Vần</th> <th>Thanh</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>trong</td> <td>tr</td> <td>ong</td> <td>ngang</td> </tr> </tbody> </table> <p>- HS làm vào vở:</p> <p>- Đáp án: a, uôm, ếch, ao, âu, âu.</p> <p>- Vài HS phân tích.</p> <p>- Nói tới các chữ (tiếng) em, xe, xem.</p>	Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh	trong	tr	ong	ngang
Tiếng	Âm đầu	Vần	Thanh						
trong	tr	ong	ngang						

Thứ sáu ngày 11 tháng 9 năm 2009

Toán

Tiết 5: LUYỆN TẬP

I. MỤC TIÊU:

- Tính đ- ọc giá trị của biểu thức chứa một chữ khi thay chữ bằng số.

- Làm quen công thức tính chu vi hình vuông có độ dài cạnh là a.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ viết đề BT 1 a, b, BT 3.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Kiểm tra bài cũ</p> <p>- Gọi 2 HS lên bảng - Cả lớp làm vào vở nháp.</p> <p>+ Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính đ- ọc gì?</p> <p>B. Bài mới:</p> <p>1) Giới thiệu bài</p> <p>2) H- ướng dẫn luyện tập</p> <p>Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- GV treo bảng phụ.</p> <p>+ Đề bài yêu cầu chúng ta tính giá trị của biểu thức nào?</p> <p>+ Làm thế nào để tính đ- ọc giá trị của biểu thức $6 \times a$ với $a = 5$?</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm các phần còn lại.</p> <p>- GV chữa bài, nêu cách làm với $a = 10$ (phần a), và $b = 3$ (phần b)</p> <p>- Nêu cách tính giá trị của biểu thức $a + 56$ với $a = 26$.</p> <p>Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.</p> <p>- Các biểu thức ở bài 2 có gì khác các biểu thức ở bài 1?</p> <p>- Vì thế sau khi thay chữ bằng số chúng ta chú ý thực hiện các phép tính cho đúng thứ tự.</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Nêu cách tính giá trị biểu thức a, b.</p> <p>- Khi tính giá trị biểu thức c, d em làm thế nào?</p> <p>Bài 3: - GV treo bảng phụ. – Yêu cầu HS đọc bảng số và cho biết cột thứ 3 trong bảng cho biết gì?</p> <p>- Biểu thức đầu tiên trong bảng là gì?</p> <p>- Bài mẫu cho giá trị của biểu thức $8 \times c$ là</p>	<p>Bài 1: Tính giá trị của biểu thức $123 + b$ với $b = 145$, $b = 561$.</p> <p>Bài 2: Biết giá trị của biểu thức $8 \times a$ là 456, tìm b.</p> <p>+ 1 giá trị của biểu thức.</p> <p>+ Tính giá trị của biểu thức $6 \times a$.</p> <p>+ Thay số 5 vào chữ a rồi thực hiện phép tính $6 \times 5 = 30$.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm phần a, b. 2 HS đọc phần c, d.</p> <p>- BT 1 có 1 dấu tính, các biểu thức ở BT 2 có 2 dấu tính, có dấu ngoặc.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm bài.</p> <p>Cột thứ 3 trong bảng cho biết giá trị của biểu thức.</p> <p>- Là $8 \times c$.</p> <p>- Là 40.</p> <p>- Vì khi thay $c = 5$ vào $8 \times c$ thì</p>

<p>bao nhiêu?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hãy giải thích vì sao ở ô trống giá trị của biểu thức cùng dòng với $8 \times c$ lại là 40? - Số cần điền vào mỗi ô trống là giá trị của biểu thức ở cùng dòng với ô trống khi thay giá trị của chữ c cũng ở dòng đó. - Yêu cầu HS làm bài. - Mỗi lần thay chữ bằng số ta tính đ- ọc gì? <p>Bài 4: - Muốn tính chu vi hình vuông ta làm thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nếu hình vuông có cạnh là a thì chu vi là bao nhiêu? - GV giới thiệu: Gọi chu vi của hình vuông là P. Ta có: $P = a \times 4$. - Yêu cầu HS đọc đề bài tập 4 sau đó làm bài. <p>3) Củng cố – dặn dò</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiết học hôm nay chúng ta ôn lại những kiến thức nào? - GV nhận xét tiết học. - VN chuẩn bị bài sau. 	<p>đ- ọc $8 \times 5 = 40$.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phân tích mẫu để hiểu h- ớng dẫn. - 1 HS làm ở bảng phụ. - Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy số đo cạnh nhân với 4. - Nếu hình vuông có cạnh là a thì chu vi là $a \times 4$. - HS đọc công thức tính chu vi của hình vuông. - 1 HS đọc bài làm. a) Chu vi của hình vuông là: $3 \times 4 = 12$ (cm) b) Chu vi của hình vuông là: $5 \times 4 = 20$ (dm) c) Chu vi của hình vuông là: $8 \times 4 = 32$ (m)
---	---

Luyện từ và câu

Tiết 2: LUYỆN TẬP VỀ CẤU TẠO CỦA TIẾNG

I. MỤC TIÊU:

- Điền đ- ọc cấu tạo tiếng theo 3 phần đã học (âm đầu, vần, thanh) theo bảng mẫu ở BT1.
- Nhận biết đ- ọc các tiếng có vần giống nhau (BT2,3)
- * Học sinh khá, giỏi: nhận biết đ- ọc các cặp tiếng bắt vần với nhau trong thơ (BT4); giải câu đố ở BT5.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bảng phụ vẽ sẵn sơ đồ cấu tạo của tiếng và vần, mỗi bộ phận tiếng viết một màu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>a. Kiểm tra bài cũ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu 2 hs lên bảng phân tích cấu 	<ul style="list-style-type: none"> - 2 hs lên bảng làm. Cả lớp làm vào vở

<p> tạo của tiếng trong câu “ Lá lành đùm lá rách” ghi kết quả vào bảng. + Tiếng do những bộ phận nào tạo thành? Cho ví dụ. + Trong tiếng bộ phận nào không thể thiếu? Bộ phận nào có thể thiếu? B. BÀI M□I: 1) Giới thiệu bài 2) H- óng dẫn làm bài tập <u>Bài 1:</u> - Gọi hs đọc yêu cầu và mẫu. - Thảo luận nhóm 4 và làm vào phiếu - Nhóm nào xong tr- ớc dán bài lên bảng. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung để có lời giải đúng. <u>Bài 2:</u> - Gọi 1 hs đọc yêu cầu. + Câu tục ngữ đ- ợc viết theo thể thơ nào? - Yêu cầu hs làm bài. Gọi hs trả lời. GV: Tiếng thứ 6 của câu 6 tiếng bắt vần với tiếng thứ 6 của câu 8 tiếng. <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 hs đọc yêu cầu. - Yêu cầu hs tự làm bài. - Gọi hs nhận xét và chốt lại lời giải đúng. Bài 4: - Gọi 1 hs đọc yêu cầu. - Gọi hs phát biểu. GV chốt lại ý kiến đúng. - Gọi hs tìm các câu tục ngữ, ca dao, thơ đã học có tiếng bắt vần với nhau. - Cho hs phân tích ví dụ. <u>Bài 5:</u> - Gọi 1 hs đọc yêu cầu. - Đây là câu đố chữ (ghi tiếng) nên cần tìm lời giải là các chữ ghi tiếng. - Câu đố yêu cầu: bắt đầu có nghĩa là </p>	<p> nháp. - 2 hs trả lời. - Làm bài trong nhóm. - Nhận xét. + Câu tục ngữ đ- ợc viết theo thể thơ lục bát. + Hai tiếng bắt vần với nhau trong câu tục ngữ là: ngoài – hoài (vần giống nhau: oai) - 2 hs làm bảng nhóm. - Nhận xét, chữa bài. (Thiết kế) - Hai tiếng bắt vần với nhau là 2 tiếng có vần giống nhau hoàn toàn hoặc không hoàn toàn. - Ví dụ: + Lá trầu khô giữa cối trầu Truyện Kiều gập lại trên đầu bấy nay + Cánh màn khép lỏng cả ngày Ruộng v- ờn vắng mẹ cuốc cày sớm tr- a. Nắng m- a từ những ngày x- a Lặn trong đời mẹ đến giờ ch- a tan. + Hỡi cô tát n- ớc bên đàng Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi. </p>
--	---

<p>bớt âm đầu, bỏ đuôi có nghĩa là bỏ âm cuối. - Gọi hs trả lời.</p> <p>3) Củng cố - dặn dò - Tiếng có cấu tạo nh- thế nào? Những bộ phận nào nhất thiết phải có? Cho ví dụ. - VN xem tr- ớc BT 2 tiết LTVC tuần 2, tra từ điển (nếu có) để nắm nghĩa của các từ trong BT 2.</p>	<p>- Dòng 1: chữ <i>bút</i> bớt đầu thành chữ <i>út</i>. Dòng 2: Đầu đuôi bỏ hết thì chữ <i>bút</i> thành chữ <i>ú</i>. Dòng 3, 4: Để nguyên thì đó là chữ <i>bút</i>.</p>
---	--

Thể dục

Tiết 2: TẬP HỢP HÀNG ĐỌC, DÓNG HÀNG, ĐIỂM SỐ, ĐÚNG NGHIÊM, ĐÚNG NGHỈ TRÒ CHƠI “CHẠY TIẾP SỨC”
(GV chuyên soạn và dạy)

Tập làm văn

Tiết 2: NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN

I. MỤC TIÊU:

- B- ớc đầu hiểu thế nào là nhân vật(ND Ghi nhớ)
- Nhận biết đ- ợc tính cách của từng ng- ời cháu (qua lời nhận xét của bà) trong câu chuyện *Ba anh em*(BT1).
- B- ớc đầu biết kể tiếp câu chuyện theo tình huống cho tr- ớc, đúng tính cách nhân vật (BT2)

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò
<p>A. Kiểm tra bài cũ - Gọi HS kể lại câu chuyện ở tiết tr- ớc. - Bài văn kể chuyện khác bài văn không phải là văn kể chuyện ở những điểm nào?</p> <p>B. Bài mới: 1) <i>Giới thiệu bài</i> 2) <i>Nhận xét</i> Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu. - Các em vừa học những câu chuyện</p>	<p>- 2 HS kể chuyện. - 1 HS trả lời.</p> <p>- Truyện Dế Mèn bênh vực kẻ yếu. Sự tích hồ Ba Bể.</p>

nào?

- Thảo luận nhóm 6 và làm vào BT nh- mẫu.

+ Nhân vật trong truyện có thể là ai?

GV: Các nhân vật trong truyện có thể là ng- ời hay các con vật, đồ vật, cây cối đã đ- ọc nhân hoá. Để biết tính cách của nhân vật đ- ọc thể hiện nh- thế nào, các em cùng làm bài 2 nhé.

Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu.- Yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và TLCH.

+ Nhờ đâu mà em biết tính cách của nhân vật?

GV: Tính cách của nhân vật bộc lộ qua hành động, lời nói, suy nghĩ ... của nhân vật.

3) Ghi nhớ

- Gọi HS đọc.

- Hãy lấy VD về tính cách của nhân vật trong những câu chuyện mà em đã đ- ọc đọc hoặc nghe (GV nhắc lại tên 1 số truyện và 1 vài tình tiết)

4 Luyện tập

Bài 1: - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung. + Câu chuyện 3 anh em có những nhân vật nào?

+ Nhìn vào tranh minh hoạ em thấy 3 anh em có gì khác nhau?

- Yêu cầu HS đọc thầm câu chuyện và TLCH.

+ Bà NX về tính cách của từng cháu nh- thế nào? Dựa vào căn cứ nào mà bà NX nh- vậy?

+ Em có đồng ý với những NX của bà về tính cách của từng cháu không? Vì sao?

Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu và nội dung.

- Yêu cầu HS thảo luận về tình huống để TLCH:

- Làm việc theo nhóm.

- Dán phiếu, nhận xét, bổ sung

- Lời giải (Thiết kế)

- là ng- ời, con vật.

- HS thảo luận cặp đôi.

- Tiếp nối nhau trả lời (Thiết kế)

+ Nhờ hành động, lời nói của nhân vật nói lên tính cách của nhân vật.

- 3 HS đọc.

- 3 HS lấy ví dụ (Thiết kế)

+ Câu chuyện có các nhân vật: Ni-ki-ta, Gô- sa, Chi-ôm- ca, bà ngoại.

+ Ba anh em tuy giống nhau nh- ng hành động sau bữa ăn lại rất khác nhau.

- HS tiếp nối nhau trả lời, mỗi HS chỉ nói về 1 nhân vật (Thiết kế)

- Nhờ quan sát hành động của 3 anh em mà bà đ- a ra nhận xét nh- vậy.

+ Em đồng ý với NX của bà về tính cách từng cháu. Vì qua việc làm của từng cháu đã bộc lộ tính cách của mình.

- HS thảo luận nhóm đôi và phát biểu.

+ Nếu là ng- ời biết quan tâm đến ng- ời khác, bạn nhỏ sẽ: chạy lại, nâng em bé dậy, phủi bụi và bản trên quần áo của em, xin lỗi em, dỗ em nín khóc, đ- a em bé về lớp (hoặc về nhà), rủ em bé cùng chơi những trò chơi

<p>+ Nếu là ng- ời biết quan tâm đến ng- ời khác bạn nhỏ sẽ làm gì?</p> <p>+ Nếu là ng- ời không biết quan tâm đến ng- ời khác bạn nhỏ sẽ làm gì? GV kết luận về 2 h- ớng kể chuyện. Chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm kể theo 1 h- ớng. - Gọi HS tham gia thi kể chuyện. 5) Củng cố - dặn dò - Nhắc lại ghi nhớ. - VN học thuộc ghi nhớ, viết lại câu chuyện mình vừa kể ở lớp. Nhắc HS luôn luôn quan tâm đến ng- ời khác.</p>	<p>khác. + Nếu là ng- ời không biết quan tâm đến ng- ời khác, bạn nhỏ sẽ: bỏ chạy, hoặc tiếp tục chạy nhảy, nô đùa, cứ vui chơi mà chẳng để ý gì đến em bé.</p>
---	---

Sinh hoạt lớp
TỔNG KẾT THI ĐUA CUỐI TUẦN

I. MỤC TIÊU:

- Giúp HS đánh giá tình hình hoạt động của lớp trong tuần.
- Rút kinh nghiệm cho bản thân trong hoạt động của tuần tới.
- Đề ra kế hoạch hoạt động cho tuần sau.

II. CÁC TIẾN HÀNH:

1. Lớp tr- ờng điều hành lớp sinh hoạt.

- Tổ tr- ờng báo cáo tình hình hoạt động của tổ mình về việc thực hiện các nề nếp quy định, - u điểm của từng bạn (nêu tên cụ thể).
- Các thành viên trong tổ bày tỏ ý kiến
- Lớp tr- ờng tóm tắt những - u khuyết điểm chính của lớp và đề ra h- ớng khắc phục.

2. Giáo viên nhận xét quá trình học tập và thực hiện nề nếp trong tuần.

***Ưu điểm:**

.....

.....

.....

.....
.....
.....
*** Nh- ọc điểm:**

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
*** Tuyên d- ơng:**.....

*** Phê bình:**.....

3. GV chủ nhiệm triển khai kế hoạch tuần tới.

- Duy trì sĩ số và tỉ lệ đi học chuyên cần cao.
- Thực hiện tốt các nề nếp, trang phục gọn gàng, sạch đẹp.
- Chuẩn bị tốt bài ở nhà.
- Học bài và làm bài đầy đủ tr- ớc khi đến lớp.
- Trong lớp chú ý nghe giảng xây dựng bài.
- Thực hiện tốt quy định của tr- ờng, của Đội đề ra.